

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN THANH HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: *85*/QĐ-UBND

Thị trấn, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai dự toán thu- chi ngân sách quý III năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN THANH HÀ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài
chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ NQ số 30 /NQ- HĐND thị trấn Thanh Hà ngày 30/12/2022 của HĐND
thị trấn về việc quyết định dự toán ngân sách thị trấn năm 2023;*

Xét đề nghị của công chức Tài chính- Kế toán thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách thị trấn năm 2023.

(Kèm theo các mẫu biểu theo Quyết định này)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng UBND, bộ phận kế toán ngân sách thị trấn tổ chức thi
hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy- HĐND TT;
- CT, PCT UBND TT;
- UBND TT, Các đoàn thể TT;
- Các trường KDC TT;
- Lưu: VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN



Trần Văn Tuấn



UBND THỊ TRẤN THANH HÀ

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUỸ III THỊ TRẤN - NĂM 2023

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN QUỸ III/2023	SO SÁNH
TỔNG SỐ THU	6.774.894.000	6.017.724.632	88,82
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	144.000.000	598.880.589	415,89
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.353.000.000	1.080.783.794	45,93
III. Thu bổ sung	4.277.894.000	3.539.568.319	82,74
- Bổ sung cân đối	4.277.894.000	3.281.087.169	76,7
- Bổ sung có mục tiêu	0.000	258.481.150	
IV. Thu chuyển nguồn	0.000	798.471.930	
- Thu kết dư	0.000	20.000	
TỔNG SỐ CHI	6.774.894.000	3.940.917.288	58,79
I. Chi đầu tư phát triển	1.500.000.000	234.795.000	15,65
II. Chi thường xuyên	5.149.894.000	3.706.122.288	71,22
III. Dự phòng	125.000.000	-	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẦN QUỶ III- NĂM 2019

Biểu số 109/CK TC-NSNN



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN QUỶ III/2023		SO SÁNH	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
	TỔNG THU	6.774.984.000	6.774.984.000	6.017.724.632	6.017.724.632	88,82	88,82
I	Các khoản thu 100%	144.000.000	144.000.000	598.880.589	598.880.589	415,89	415,89
	Phí, lệ phí	12.000.000	12.000.000	16.535.000	16.535.000	137,79	137,79
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	90.000.000	90.000.000	500.152.700	500.152.700	555,73	555,73
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0.000	0.000	72.679.000	72.679.000		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0.000	0.000	9.002.000	9.002.000		
	Thu khác	42.000.000	42.000.000	511.889	511.889	1,22	1,22
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.353.000.000	2.353.000.000	1.080.783.794	1.080.783.794	45,93	45,93
1	Các khoản thu phân chia	663.000.000	663.000.000	840.795.938	840.795.938	126,82	126,82
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	384.000.000	384.000.000	712.474.725	712.474.725	185,54	185,54
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	29.000.000	29.000.000	36.900.000	36.900.000	127,24	127,24
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	250.000.000	250.000.000	91.421.213	91.421.213	36,57	36,57
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	1.690.000.000	1.690.000.000	239.987.856	239.987.856	14,20	14,20
	- Thuế thu nhập cá nhân	65.000.000	65.000.000	93.681.874	93.681.874	144,13	144,13
	- Thuế tiền sử dụng đất	1.500.000.000	1.500.000.000				
	- Thuế giá trị gia tăng	125.000.000	125.000.000	146.305.982	146.305.982	117,04	117,04
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			798.471.930	798.471.930		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			20.000	20.000		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.277.984.000	4.277.984.000	3.539.568.319	3.539.568.319	82,74	82,74
	- Thu bổ sung cân đối	4.277.984.000	4.277.984.000	3.281.087.169	3.281.087.169	76,70	76,70
	- Thu bổ sung có mục tiêu			258.481.150	258.481.150		



ỦY BAN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẦN QUÝ III - NĂM 2023

Đơn vị: đồng

Biểu số 110/CK TC-NSNN

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2023			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.774.894.000	1.500.000.000	5.274.894.000	3.940.917.288	234.795.000	3.706.122.288	58,17	15,65	70,26
	Trong đó:									
1	Chi dân quân tự vệ	300.603.000		300.603.000	389.506.700		389.506.700	129,58		129,58
2	Chi an ninh trật tự	318.270.000		318.270.000	212.732.200		212.732.200	66,84		66,84
3	Chi giáo dục	1.528.000.000	1.500.000.000	28.000.000	234.795.000	234.795.000		15,37	15,65	-
4	Chi y tế	28.305.000		28.305.000						-
5	Chi văn hóa, thông tin	33.500.000		33.500.000	32.310.000		32.310.000	96,45		96,45
6	Chi phát thanh, truyền thanh	41.350.000		41.350.000	28.444.000		28.444.000	68,79		68,79
7	Chi SN thẻ dự trữ thao	19.500.000		19.500.000	1.040.000		1.040.000	5,33		5,33
8	Chi bảo vệ môi trường	35.000.000		35.000.000	35.000.000		35.000.000	100,00		100,00
9	Chi các hoạt động kinh tế	64.000.000		64.000.000	48.380.450		48.380.450	75,59		75,59
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng,	3.838.307.000	0.000	3.838.307.000	2.622.498.056	0.000	2.622.498.056	68,32		68,32
11	Chi cho công tác xã hội	443.059.000		443.059.000	336.210.882		336.210.882	75,88		75,88
12	Chi khác	0.000		0.000	0.000		0.000			
13	Chi dự phòng	125.000.000		125.000.000	0.000		0.000			-